

QUẢNG BÌNH VỚI CÔNG CUỘC NAM TIẾN

TS. PHAN VIỆT DŨNG

Trong quá trình dựng nước và giữ nước, việc định hình thể quốc gia có một lịch sử không thể phủ nhận được là cha ông ta đã tiến hành công cuộc mở cõi về phương Nam để có một dải non sông gấm vóc từ Bắc vào Nam như ngày nay. Đó là hình thái mở mang bờ cõi, di chuyển dân cư mà nhiều nước trên thế giới cũng đã thực hiện để hình thành nên những quốc gia cường thịnh. Công cuộc Nam tiến của nước ta bắt đầu từ thế kỉ XI, trong đó Quảng Bình với vị thế địa chiến lược đã có những đóng góp vô cùng quan trọng.

1. Quảng Bình - vùng đất mở đầu trang sử Nam tiến của dân tộc

Sau gần 10 thế kỉ, các triều đại phong kiến phương Bắc không thể đồng hóa dân tộc Việt, cha ông ta đã liên tục đứng lên chống ngoại xâm giành lại độc lập. Các triều đại phong kiến nước ta bắt tay vào công cuộc dựng nước và giữ nước, xây dựng giang sơn xã tắc ngày càng hùng mạnh. Khi Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long, cương vực nước ta mới từ điểm cực Bắc Cao Bằng kéo dài đến Hoành Sơn. Trong lúc đó, ở phía Nam, triều đại phong kiến Lâm Ấp (Chiêm Thành) ngày càng phát triển và từ lâu đã có mưu đồ Bắc tiến. Sử sách từng chép, năm Kỷ Mão (979) khi nghe tin Đinh Tiên Hoàng băng hà, Nhật Khánh một trong 12 sứ quân bị dẹp đã vào cầu cứu vua Chiêm và vua Chiêm đã đưa hơn 1.000 chiến thuyền để đánh kinh đô Hoa Lư. Khi Lê Hoàn lên ngôi, sai sứ sang giao hiếu, nhưng vua Chiêm bắt giữ sứ giả buộc vua Lê Đại Hành phải tiến binh đánh vào kinh đô Chiêm ở Đồng Dương, san phẳng thành trì nhưng không ở lại cho quân rút về nước. Cuộc Nam chinh đầu tiên của vua Lê không vì mục đích giành dân chiếm đất mà chỉ cốt gìn giữ hòa bình cho đất nước, xây dựng mối bang giao hòa hiếu hai nước. Năm 992, vua Lê Đại Hành sai Ngô Tử An đem 3 vạn người mở đường bộ từ cửa biển Nam Giới (cửa Sót, Hà Tĩnh ngày nay) vào đến Hoành Sơn khai thông con đường biển về phía nam. Đến đời nhà Lý, Chiêm Thành âm mưu cầu kết với nhà Tống chống phá Đại Việt, nhiều lần cho quân sang cướp bóc ở các vùng ven biển phía Nam. Năm 1044, vua Lý Thái Tông buộc phải tiến binh, đánh vào kinh đô Phật Thệ nhưng cũng như các lần trước vua Lý không chủ trương cướp đất di dân, cho quân rút về nước. Năm 1054, Lý Thánh Tông lên ngôi đặt quốc hiệu Đại Việt quyết xây dựng quốc gia hùng mạnh. Trong khi đó, Chiêm Thành ở phía Nam chuẩn bị phát động chiến tranh cho quân quấy nhiễu biên giới. Năm Kỷ Dậu (1069), vua Thánh Tông quyết định thân chinh chọn Lý Thường Kiệt làm nguyên soái đi tiên phong dẫn 5 vạn quân tiến đánh kinh đô Trà Bàn bắt được vua Chiêm là Chế Củ. Để chuộc mạng, Chế Củ xin dâng ba châu Bố Chính, Địa Lý và Ma Linh cho Đại Việt. Cương vực Đại Việt từ đây đã vượt qua dãy Hoành Sơn đến phần đất Quảng Bình và Bắc Quảng Trị ngày nay. Lịch sử mở mang bờ cõi về phương Nam diễn ra lúc đầu là cuộc chiến tranh bảo vệ chủ quyền của nhà Lý và sau đó là sự đồng thuận nhường đất của Chế Củ, tuyệt nhiên không có sự xâm lược cướp đất.

Năm 1074, vua Chiêm mới lên ngôi là Harivarman (1074-1081) lại cho quân đánh phá biên giới Đại Việt. Năm Thái Ninh thứ 4 (1075), vua Lý Nhân Tông sai Lý Thường Kiệt tiến binh. Trong cuộc tiến quân này, phía Bắc quân Tống đang lăm le xâm lược nước ta, Lý Thường Kiệt chỉ họa đồ hình thể núi sông của ba châu Bố Chính, Địa Lý và Ma Linh rồi trở về đánh trả đội quân xâm lược nhà Tống. Vua Lý Nhân Tông cho đổi châu Bố Chính làm Bố Chính, Địa Lý làm Lâm Bình, Ma Linh làm Minh Linh chiêu mộ dân chúng đến ở và tổ chức lại việc cai trị. *“Chiếu chiêu mộ di dân lần này là một văn kiện quan trọng trong lịch sử nước ta, ấy là bước đầu của cuộc Nam tiến mà dân tộc ta theo đuổi 6, 7 thế kỉ sau này nữa”*¹.

Đáp ứng chiếu di dân vào vùng đất mới của vua Lý Nhân Tông, nhiều người từ phía Bắc, nhất là vùng lân cận Nghệ An bắt đầu đến đây khai khẩn làm ăn.

Một đặc trưng quan trọng của những đợt di dân đầu tiên là những người trong cùng một họ tộc thường tập trung một nơi, rồi lập thành một làng, xã. Đến vùng đất mới, nhiều khó khăn, vất vả, sự cấu kết cộng đồng trong một họ tộc sẽ tạo nên sức mạnh cho họ khai sơn phá thạch. Hơn nữa ở vùng đất lạ, cộng đồng dòng họ có phong tục tập quán truyền thống sẽ giúp cho họ bớt những khó khăn bước đầu trong giải quyết các quan hệ xã hội. Nghiên cứu cộng đồng cư dân ở vùng Lâm Bình (Nam Quảng Bình ngày nay) người ta thấy nhiều làng xã mang tên của dòng họ điển hình sau:

Mai Xá, tiếng Nôm quen gọi là “Nhà Mai”, Phan Xá: “Nhà Phan”, Hoàng Xá: “Nhà Vàng”, Trần Xá: “Nhà Trần”, Ngô Xá “Nhà Ngô”; tương tự như vậy có Quảng Xá, Thạch Xá, An Xá, Lại Xá, Dương Xá, Phú Xá, Cái Xá, Lộc Xá, Võ Xá, Yên Xá, Thương Xá, Châu Xá, Lệ Xá, Thái Xá, Lỗ Xá... Những làng xã mang tên dòng họ đã được Dương Văn An nói đến trong Ô châu cận lục với những vùng đất định cư, phong tục tập quán, truyền thống mang bản sắc riêng như: *Lê Xá, Đặng Xá xóm thôn trừ mật; Thạch Xá núi bao lớp lớp; Lại Xá có lệ giúp nhau; Phan Xá tiếng tăm văn vật; Ngô Xá tài đánh cá...*²

Mở đầu trang sử Nam tiến, mở mang bờ cõi Quảng Bình trở thành phần đất thiêng liêng của Đại Việt với hai đơn vị hành chính là Bố Chính và Lâm Bình dưới thời Lý. Những cư dân Quảng Bình đầu tiên theo lời chiêu mộ của Lý Nhân Tông đã đến đây để khai phá vùng đất mới và bảo vệ phần lãnh thổ của quốc gia có chủ quyền. Cuộc sống của những cư dân đầu tiên trên mảnh đất này rất vất vả và khó khăn. Họ bắt tay vào công cuộc khai hoang lập ấp trong điều kiện thời tiết khí hậu khắc nghiệt, đất đai chưa được thuần thục. Hơn nữa, nơi đây là vùng biên ải, nhiều cuộc chiến tranh giữa Đại Việt và Chiêm Thành xảy ra trong nhiều thế kỷ kế tiếp. Nhưng với sức sống của những người dân Quảng Bình, họ đã vượt qua tất cả để tồn tại và phát triển, xây dựng non sông ngày càng giàu đẹp. Cùng với quá trình khai thiết, Quảng Bình còn có những đóng góp to lớn trong công cuộc mở mang bờ cõi trong những giai đoạn kế tiếp.

¹ Phan Khoang, “Việt sử xứ Đàng Trong”, Nxb Văn học, Tp. Hồ Chí Minh, 2000, tr.47.

² Xem “Ô châu cận lục”, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1997, tr.55-57.

2. Quảng Bình - địa bàn chiến lược của công cuộc Nam tiến

Đầu đời Trần, Trần Thái Tông đã có nhiều chính sách để giữ hòa hiếu hai nước “*lấy đức vỗ về, sai sứ sang dụ*” nhằm ổn định biên cương, xây dựng đất nước. Nhưng Chiêm Thành, từ khi nhà Lý suy yếu thường đem quân sang cướp phá vùng cư dân ven biển “*đòi xin lại đất cũ, có ý nhòm ngó nước ta*”, vùng đất Quảng Bình luôn ở trong tình trạng có chiến tranh. Trong khi đó, ở phía Bắc quân xâm lược Nguyên Mông đang chuẩn bị cuộc chiến tranh xâm lược nước ta. Trước tình hình đó, Trần Thái Tông quyết định đem quân đánh Chiêm Thành, giữ vững biên cương phía Nam, chuẩn bị cho cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông. Sách “*Đại Việt sử ký toàn thư*” chép:

“Nhâm Tý, Nguyên Phong năm thứ 2 (1252), Tống Thuần Hựu năm thứ 13. Mùa xuân, tháng giêng, vua thân chinh đánh Chiêm Thành, sai Khâm thiên Đại vương Nhật Hiệu làm Lưu thủ. Chiêm Thành từ khi nhà Lý suy yếu, thường đem thuyền nhẹ đến cướp bóc dân cư ven biển. Vua lên ngôi, lấy đức vỗ về, sai sứ sang dụ, tuy họ có ý thường sang cống, nhưng có ý đòi lại đất cũ và có ý nhòm ngó nước ta. Vua giận, nên có việc thân chinh này. Mùa đông, tháng 12, bắt được vợ của chúa Chiêm Thành là Bồ Da La và nhiều thần thiếp, nhân dân của y rồi về”³.

Cuộc tiến đánh Chiêm Thành của Trần Thái Tông năm 1252 là cuộc chinh phạt nhằm ngăn đe chứ không phải là cuộc chiến tranh xâm lược giành đất.

Sau cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông, hai nước Đại Việt và Chiêm Thành trở nên thân thiện, hữu hảo. Tháng 3 năm Tân Sửu (1301), Thái thượng hoàng Trần Nhân Tông sang thăm Chiêm Thành. Trong chuyến viếng thăm này, Thái thượng hoàng đã hứa gả Công chúa Huyền Trân cho Vua Chiêm Thành là Chế Mân. Đổi lại, Chế Mân dâng hai châu Ô, châu Lý của Chiêm Thành cho Đại Việt.

Tháng 2 năm Ất Tỵ (1305), “*Chiêm Thành sai Chế Bồ Đài và bộ đảng hơn trăm người dâng hiến vàng bạc, hương quý vật lạ làm lễ vật cầu hôn. Tháng 6 năm Bính Ngọ (1306), gả công chúa Huyền Trân cho vua Chiêm Thành Chế Mân*”⁴.

Sau khi Chế Mân dâng hai châu Ô và châu Lý, nhà Trần đổi thành Thuận châu và Hoá châu cương vực nước ta tiến xuống phía Nam vùng Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế và vùng phía Bắc Quảng Nam ngày nay. Nhà Trần nhanh chóng thiết lập bộ máy hành chính, thực hiện chính sách miễn tô, thuế, cấp ruộng vườn để thu phục dân chúng. Như vậy, việc mở mang bờ cõi vào đến phía Bắc Quảng Nam diễn ra trong hòa bình, dâng đất đổi công chúa một phương thức mà nhiều triều đại phong kiến trước đây vẫn làm.

Tháng 5 năm Đinh Mùi (1307), Chế Mân chết. Theo tục lệ Chiêm Thành, vua chết thì hoàng hậu phải lên giàn hỏa thiêu để chết theo. Vua Trần Anh Tông sợ công chúa Huyền Trân bị hại sai người sang tìm cách cứu công chúa vượt biển trở về nước. Sau sự kiện đó, quan hệ hai nước Đại Việt và Chiêm Thành trở lại thù địch gay gắt. Con của Chế Mân là Chế Chí lên ngôi, cất quân chiếm lại châu Ô và châu Lý.

³ “*Đại Việt sử ký toàn thư*”, Tập 2, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1988, tr.24.

⁴ Xem “*Đại Việt sử ký toàn thư*”, Tập 2, Sđd, tr.89.

Tháng 12 năm Tân Hợi (1311), vua Trần Anh Tông phải thân chinh đem quân đánh Chiêm Thành để bảo vệ biên cương lãnh thổ ở phía Nam. Trong cuộc tiến binh này, vùng đất Lâm Bình trở thành bàn đạp tiến công của quân đội nhà Trần. Đại Việt sử ký toàn thư chép: “Đến khi vua đích thân đi đánh, đến phủ Lâm Bình, chia quân làm ba đường: Huệ Vũ vương Quốc Chấn theo đường núi, Nhân Huệ vương Khánh Dư theo đường biển, vua tự dẫn 6 vạn quân theo đường bộ; thủy bộ cùng tiến. Lấy Đoàn Như Hải làm Thiên tử chiêu dụ sứ đi trước”⁵.

Trong cuộc tiến binh lần này, vua Trần bắt được Chế Chí đem về Thăng Long, đưa em Chế Chí là Chế Đà A Bà Niêm lên thay. Cũng như các lần trước, việc đánh Chiêm Thành là để răn đe, bảo vệ biên cương lãnh thổ của Đại Việt, tuyệt nhiên không xâm lược chiếm đất. Sau khi thắng lợi, bảo vệ phần lãnh thổ châu Thuận, châu Hóa, Trần Anh Tông cho quân rút về nước.

Một năm sau, năm Quý Sửu (1313), nước Chiêm Thành bị quân Xiêm (Thái Lan) tiến đánh, vua Trần sai Đỗ Thiên Hư đi kinh lược Nghệ An, Lâm Bình đưa quân sang cứu giúp.

Sau khi đánh đuổi quân xâm lược Xiêm, quan hệ Chiêm Thành và Đại Việt từng bước được cải thiện, song vua Chiêm vẫn âm mưu đòi lại vùng châu Thuận, châu Hóa cũng như Bồ Chính, Lâm Bình và Minh Linh trước đây. Họ thường cho quân quấy phá vùng biên ải và nhiều lần cất quân đánh chiếm lãnh thổ của Đại Việt. Để bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của mình, nhà Trần buộc phải đưa quân đánh Chiêm Thành nhằm mục đích răn đe. Nhà Trần đặt chức *Kinh lược sứ ở Lâm Bình* để trông coi việc biên giới với Chiêm Thành. Sau khi sáp nhập với Đại Việt ở thế kỉ XI, Quảng Bình tiếp tục là địa bàn chiến lược của công cuộc Nam tiến dưới triều đại nhà Trần. Năm 1361, vua Chiêm Thành là Chế Bồng Nga tiến quân đánh Đại Việt, chiếm cảng Dã Lý (thuộc Lý Hoà, Hải Trạch, Bồ Trạch ngày nay). Quân Chiêm Thành tàn phá, giết hại nhiều người rồi mang theo nhiều của cải cướp được xuống thuyền về nước.

Năm 1362, Chiêm Thành lại đánh phá Hóa châu, nhà Trần sai Đỗ Tư Bình lấy quân ở Lâm Bình và Thuận Hóa sửa sang thành Hóa Châu cho bền vững.

Tháng 3 năm Bính Ngọ (1366), quân Chiêm Thành lại tiến hành cuộc chiến tranh đánh vào đất Lâm Bình (Quảng Bình) nơi Chế Củ đã dâng cho Đại Việt từ năm 1069. Nhân dân Lâm Bình dưới sự chỉ huy của Tri phủ Lâm Bình là Phạm A Song đã đánh tan quân xâm lược Chiêm, bảo vệ quê hương và lãnh thổ của đất nước. Phạm A Song được phong làm *Đại Tri phủ phủ Lâm Bình, Hành quân Thủ ngự sứ*.

Trước tình hình triều Trần ngày càng suy yếu, nội bộ mất đoàn kết, tranh chấp quyền lợi trong hoàng tộc, Chiêm Thành đã phát động nhiều cuộc chiến tranh tiến đánh Đại Việt, có lúc đánh cả vào kinh đô Thăng Long nhưng đều thất bại. Trong các cuộc chiến tranh giữa triều Trần với Chiêm Thành, vùng đất Bồ Chính, Lâm Bình luôn là địa bàn chiến lược quan trọng cho những cuộc tiến công bảo vệ vùng đất phía Nam của Đại Việt.

⁵ “Đại Việt sử ký toàn thư”, Sđd, tr.96.

Tháng 12 năm 1376, vua Trần Duệ Tông thân chinh dẫn 12 vạn quân xuất phát từ kinh đô tiến đánh Chiêm Thành. Vua sai Lê Quý Ly đốc thúc quân dân Nghệ An, Diễn Châu, Tân Bình, Thuận Hóa chở lương thực cung cấp cho quân đội. Quân đội Trần tiến đến cửa biển Di Luân (tức cửa Roòn ngày nay) vua Trần lên bờ cưỡi ngựa dẫn quân bộ men theo bờ biển đến cửa Nhật Lệ đóng quân lại và luyện tập thêm một tháng⁶. Quân dân Bồ Chính, Tân Bình đã đóng góp sức người, sức của cho cuộc tiến binh của vua Trần vào kinh đô của Chiêm Thành bảo vệ lãnh thổ của Đại Việt.

Dưới thời nhà Lê, cùng với việc xây dựng quê hương, nhân dân vùng Tân Bình đã tham gia tích cực vào công cuộc bảo vệ vùng đất phía Nam của nước Đại Việt. Trước những cuộc chiến tranh quấy phá của quân Chiêm Thành để bảo vệ chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, nhà Lê đã tiến hành nhiều cuộc chiến tranh bảo vệ biên cương. Đồng thời, để ngăn chặn nguy cơ lâu dài đã tiến đánh Chiêm Thành mở rộng lãnh thổ đất nước xuống phía Nam.

Năm 1470, vua Chiêm Thành là Trà Toàn đem 10 vạn quân thủy bộ cùng với tướng binh và kỵ binh đánh uy hiếp thành Hóa châu. Trước tình hình đó, Lê Thánh Tông phải xuống chiếu, viết *Bình Chiêm sách*, thân chinh cầm quân đánh Chiêm Thành. Trên đường Nam chinh qua Tân Bình lệnh cho dân sở tại đào kênh để tiện bề chuyển quân.

Sau khi Trà Toàn bị bắt, tướng Chiêm Thành là Bồ Trí Trà chạy vào Phiên Lung (Phan Rang ngày nay) sai sứ xin hàng và xin được phong vương. Lê Thánh Tông chấp thuận phong cho Bồ Trí Trì làm vua Chiêm Thành trên miền đất từ Đại Lãnh trở vào.

Đất Đại Chiêm (Quảng Nam), Cổ Lũy (Quảng Ngãi) mới chiếm lại cùng với vùng đất mới là Đồ Bàn từ Hoài Nhơn đến Cù Mông được sát nhập vào bản đồ Đại Việt với tên gọi là đạo Quảng Nam.

Dưới thời các chúa Nguyễn, khi Đoan Quận công Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hóa kiêm lãnh xứ Quảng Nam, đất cực Nam của Quảng Nam là huyện Tuy Viễn, thuộc phủ Hoài Nhơn tức Tuy Phước, Bình Định ngày nay. Phía bên kia đèo Cù Mông là lãnh thổ của Chiêm Thành.

Năm Tân Hợi (1611), Nguyễn Hoàng sai quân đánh Chiêm Thành lấy đất bên kia đèo Cù Mông đến núi Thạch Bi đặt phủ Phú Yên, gồm hai huyện Đồng Xuân và Tuy Hòa. Đó là bước Nam tiến đầu tiên của các chúa Nguyễn. Lãnh thổ của các chúa Nguyễn lúc đó từ đèo Ngang (lúc này chưa có chiến tranh Trịnh - Nguyễn nên phần Bắc sông Gianh đến đèo Ngang thuộc châu Bồ Chính, trấn Thuận Hóa của Nguyễn Hoàng) đến núi Thạch Bi. Chính vì lẽ đó mà trước khi mất, Nguyễn Hoàng căn dặn Nguyễn Nguyên (chúa Hy Tông) rằng: “*Đất Thuận Quảng phía Bắc có núi Hoành Sơn và sông Gianh hiểm trở, phía Nam có núi Hải Vân và Thạch Bi vững bền; núi sẵn vàng, sắt; biển có cá muối, thật là đất dụng võ của người anh hùng, nếu biết dạy dân, luyện binh để chống chọi với nhà Trịnh thì đủ để xây dựng cơ ngơi muôn đời*”. Ý

⁶ “*Đại Việt sử ký toàn thư*”, Tập 2, tr.160.

tướng mở mang bờ cõi về phía Nam như các triều đại Lý, Trần, Lê được Nguyễn Hoàng nung nấu khi mở mang lãnh địa qua đèo Cù Mông đến Thạch Bi năm 1611.

Công cuộc mở cõi bắt đầu từ nhà Lý qua Trần, Lê và nhất là dưới thời các chúa Nguyễn, Quảng Bình không chỉ là vùng đất mở đầu cho quá trình Nam tiến, mà còn là bàn đạp quan trọng cho quá trình mở mang bờ cõi dưới thời các chúa Nguyễn. Suốt gần 50 năm (từ 1627 đến năm 1672), trong các cuộc chiến tranh Trịnh - Nguyễn, người dân Quảng Bình phải đau nỗi đau chia cắt và nạn binh lửa triền miên. Biết bao sức người sức của, máu và nước mắt của người dân nơi đây đã đổ để giữ phòng tuyến lũy Thầy, vùng phen dậu Đàng Trong giúp cho chúa Nguyễn mở mang cương vực vào phía Nam. Có những trận quyết chiến hai bên bờ sông Nhật Lệ, trên những chiến lũy Trường Dục, Động Hải, An Náu, Sa Phụ, các chúa Nguyễn mới bảo vệ được địa giới chúa Nguyễn ở phía Bắc, có điều kiện mở mang bờ cõi về phía Nam. R.P Cadriere, một người có nhiều công trình nghiên cứu địa lý, lịch sử vùng đất Quảng Bình đầu thế kỉ XX trong sách *“Di tích lịch sử Quảng Bình”* đã nhận xét: *“Con sông Nhật Lệ ở cánh đồng, hình thành dây cung của vòng cung lớn này. Tất cả vùng đất do con mắt nhìn bao quát này trong hơn nửa thế kỉ đã đầm máu dân tộc An Nam. Theo biên niên sử, những đạo quân không kém hai mươi vạn người, giáp chiến nhau trong thời gian rất gần nhau. Hai bên bờ sông Nhật Lệ là con đường dẫn đến nền độc lập của người dân Nam Kỳ”*⁷.

Năm Kỷ Tỵ (1629), sau chiến thắng Đinh Mão (1627) quân Nguyễn đã đuổi quân Trịnh khỏi chiến tuyến trên sông Nhật Lệ, khi Lưu thủ Phú Yên là Văn Phong dùng quân Chiêm làm phản, chúa Sãi có điều kiện đưa quân đi đánh dẹp và đổi phủ Phú Yên thành dinh Trấn Biên⁸. Ngoài việc di dân, lập ấp, chúa Sãi còn chủ trương đưa 3 vạn quân Trịnh bị bắt trong cuộc chiến tranh năm Mậu Tý (1648) ở Quảng Bình khẩn hoang để *“trong khoảng mấy năm, thuế má có thể giúp quốc dụng, và sau hai mươi năm, sinh sản nhiều thêm có thể thêm vào quân số”*. Số quân binh này được đưa về ở các địa phương từ Thăng, Điện đến Phú Yên, cứ 50 người làm một ấp, cấp cho lương ăn nửa năm, lại cho họ được khai thác muối lợi ở núi, đằm phá và ra lệnh cho nhà giàu bỏ thóc cho họ vay. Từ đó vùng Phú Yên làng xóm mọc lên liền nhau⁹.

Năm Quý Tỵ (1653), sau chiến thắng Mậu Tý (1648) trên các chiến tuyến Nhật Lệ, chúa Thái Tông (Nguyễn Phúc Tần) vượt núi Thạch Bi chiếm đến sông Phan Rang đặt dinh Thái Khương (sau đổi làm Bình Khương tức tỉnh Khánh Hòa ngày nay) chia làm hai phủ Thái Khương và Diên Ninh.

Sau cuộc chiến tranh Nhâm Tý (1672) ở Quảng Bình thắng lợi, quân Trịnh rút lui về bờ Bắc sông Gianh chấm dứt việc xâm lấn, chúa Nguyễn đẩy mạnh công cuộc khai thiết vùng đất mới ở Bình Khương và tiếp tục công cuộc Nam tiến về phương Nam.

⁷ Di tích lịch sử Quảng Bình đăng trong Tập san trường Viễn Đông Bác Cổ. Thư viện Quốc gia ký hiệu C36 (1903) (1-2).

⁸ Khi mới mở mang lãnh thổ, những dinh ở địa đầu biên giới gọi là dinh Trấn Biên.

⁹ Theo Phan Khoang, *“Lịch sử xứ Đàng Trong”*, Sđd, tr.298.

Thời chúa Hiền Tông (Nguyễn Phúc Chu), năm Nhâm Thân (1692), vua Chiêm là Bà Tranh đem quân đánh phủ Diên Ninh, chúa sai Cai cơ Lê Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh làm Thống Binh, Văn chức Nguyễn Đình Quang làm Tham mưu đem quân đi đánh. Thống binh Nguyễn Hữu Cảnh đánh bại quân Chiêm bắt được Bà Tranh, đổi phủ Thuận Thành làm phủ Bình Thuận, lấy đất từ Phan Rang, Phan Rí trở về phía Tây chi làm hai huyện An Phước và Hòa Đa.

Không chỉ dừng lại ở vùng đất Nam Trung Bộ, trong thời các chúa Nguyễn, công cuộc Nam tiến không ngừng mở mang bờ cõi về phương Nam. Năm Mậu Dần (1698), chúa Nguyễn sai Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược, chia đất Đông Phố, lấy xứ Đồng Nai đặt huyện Phước Long lập dinh Trấn Biên (Biên Hòa ngày nay); lấy xứ Sài Gòn đặt huyện Tân Bình, lập dinh Phiên Trấn (Gia Định ngày nay). Năm 1732, chúa Nguyễn đặt châu Định Viễn, lập dinh Long Hồ rồi tiếp đó đặt đạo Đông Khẩu ở Sa Đéc, đạo Tân Châu ở Tiền Giang (1757). Đặt Giá Khê (Rạch Giá) làm đạo Kiên Giang, Cà Mau làm đạo Long Xuyên (1757).

Công cuộc Nam tiến tiếp diễn cho đến khi hoàn tất để có giang sơn thống nhất đến tận Cà Mau như ngày nay.

Đánh giá về sự kiện 1698, trong hội thảo khoa học về Nguyễn Hữu Cảnh tại Châu Đốc, An Giang năm 1993, giáo sư Trần Bạch Đằng viết: *“Lịch sử là chuyện đã xảy ra. Nam tiến là điều có thật, ngay từ thế kỉ IX, X... Nguyễn Hữu Cảnh làm nốt phần việc mà lịch sử Nam tiến mở ra. Ông định cương vực phía Nam Việt Nam, đại thể như cương vực hiện thời của nước ta... Kỷ niệm 295 năm Nguyễn Hữu Cảnh đến Nam Bộ tức kỷ niệm sự hoàn tất công cuộc Nam tiến, kỷ niệm ngày định hình thể quốc gia Việt Nam - một định hình lịch sử và do vậy, là một định hình vĩnh cửu”*¹⁰.

3. Người Quảng Bình với công cuộc Nam tiến

Như một cơ duyên lịch sử, Quảng Bình không những có những đóng góp quan trọng trong quá trình mở cõi mà còn có nhiều người con của vùng đất này đã có nhiều công tích trong quá trình Nam tiến.

Một trong những dòng họ có vai trò tiên phong trong công cuộc Nam tiến dưới thời các chúa Nguyễn là dòng họ Nguyễn Hữu ở Phong Lộc (huyện Quảng Ninh, Quảng Bình ngày nay). Dòng họ Nguyễn Hữu theo chúa Tiên Nguyễn Hoàng vào định cư ở Phong Lộc đã có công lớn trong việc bảo vệ vùng đất Quảng Bình với Tham tướng Nguyễn Triều Văn và con là tướng quân Nguyễn Hữu Dật “văn võ toàn tài, lúc làm tướng có nhiều công lớn, đánh đâu được đó”. Các con của Nguyễn Hữu Dật là Nguyễn Hữu Hào và Nguyễn Hữu Cảnh từng sát cánh cùng cha trên các chiến tuyến Nhật Lệ và khi chúa Nguyễn tiến hành những đợt Nam tiến đã trở thành những vị tướng tiên phong trong quá trình mở cõi.

Năm Nhâm Thân (1792), chúa Hiền Tông giao cho Cai cơ Nguyễn Hữu Cảnh và Văn chức Trinh Tường chỉ huy, dẹp loạn chúa Bà Tranh. Năm Đinh Sửu (1697), đặt

¹⁰ Sở Văn hóa Thông tin An Giang, Hội Khoa học Lịch sử TP. Hồ Chí Minh: Kỷ yếu hội thảo khoa học “Nguyễn Hữu Cảnh”, 1994, tr.18, 20.

phủ Bình Thuận, lấy đất từ Phan Rang, Phan Rí trở về phía Tây chia làm hai huyện An Phước, Hòa Đa; xây dựng quan hệ hòa hiếu giữa người Việt và người Chiêm ở vùng đất mới. Năm Canh Ngọ (1690) đời chúa Anh Tông sai Cai cơ Nguyễn Hữu Hào (con Nguyễn Hữu Dật, anh của Nguyễn Hữu Cảnh) vào Chân Lạp buộc vua Nặc Thu quy phục chúa Nguyễn.

Đặc biệt, năm Mậu Dần (1698), chúa Hiền Tông (Nguyễn Phúc Chu) sai Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược phía Nam, chia đất Đông Phố, lấy xứ Đồng Nai đặt huyện Phước Long lập dinh Trấn Biên (tức Biên Hòa ngày nay); lấy xứ Sài Gòn đặt huyện Tân Bình, lập dinh Phiên Trấn (tức Gia Định ngày nay). Mỗi dinh đều đặt chức Lưu thủ, Cai bạ, Ký lục và các cơ, đội, thuyền, thủy, bộ, tinh binh và thuộc binh. Nguyễn Hữu Cảnh còn xin chúa Nguyễn cho chiêu mộ thêm lưu dân từ Bồ Chính trở vào đến ở, thiết lập xã, thôn, phường, ấp, chia ranh giới, khai khẩn ruộng đất, đánh thuế tô, thuế dung, làm bộ đình, bộ điền. Vào mở cõi phương Nam xa xôi, người Quảng Bình lòng vẫn nhớ cố hương, mới đem tên đất, tên làng đặt cho những vùng đất mới. Những Tân Bình, Bình Đông, Bình Tây như hoài niệm về vùng đất Lâm Bình - Tân Bình - Tiên Bình - Quảng Bình của cha ông. Có lúc họ nhắc lại tên một huyện như Phong Phú (Lê Thủy) hay một huyện và một xã như Phong Đức (huyện Phong Lộc, xã Đức Phổ). Nhiều thôn ấp được đặt tên như cũ: Phú Nhuận, Phú Thọ, An Lạc (Lê Thủy); Phú Mỹ, Thanh Hà (Bố Trạch), Vĩnh Lộc (Quảng Trạch). Ở vào địa đầu binh lửa trong cuộc chiến tranh Trịnh - Nguyễn người xưa mang theo khát vọng hòa bình và hoài cảm những tên đất, tên làng đến những vùng đất mới.

Tháng 5 năm 1700, trong cuộc tiến binh bảo vệ vùng biên cương phía Nam, Nguyễn Hữu Cảnh đột ngột qua đời ở Sầm Giang (Rạch Gầm) trong sự tiếc thương vô hạn của quân sĩ và nhân dân trong vùng. Sự nghiệp mở mang bờ cõi vừa mới bắt đầu, trước mắt biết bao việc phải làm. Gánh nặng đặt lên vai các tướng sĩ dưới quyền, đặc biệt là những tướng sĩ tâm phúc, đồng hương Quảng Bình, những người đã theo ông đi suốt cuộc trường chinh về phương Nam, trong đó nổi lên có phó tướng Trương Phúc Phan người kế tục sự nghiệp của Nguyễn Hữu Cảnh làm Trấn thủ dinh Trấn Biên.

Trương Phúc Phan sinh ở làng Trường Dục, huyện Phong Lộc (nay là huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình). Cụ nội của ông là Trương Công Da (sau được ban chữ “Phúc” thành Trương Phúc Da) người huyện Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa làm quan dưới triều vua Lê Anh Tông (1556-1573) theo Nguyễn Hoàng vào Nam, định cư tại làng Trường Dục và trở thành thủy tổ của dòng họ Trương Phúc ở đây. Trương Phúc Da được giao làm Trấn thủ dinh Quảng Bình đầu tiên dưới thời chúa Nguyễn Hoàng.

Ông nội của Trương Phúc Phan là Trương Phúc Phấn sinh ra và lớn lên trên đất Quảng Bình “võ nghệ, tài lược hơn người” theo cha làm đến chức Cai cơ. Năm 1630, Trương Phúc Phấn giữ chức Trấn thủ dinh Bồ Chính (dinh Ngói), là người có công lớn bảo vệ lũy Trường Dục, quân Trịnh đánh mãi không được gọi ông là “Phấn cố tri” (Phấn giữ thành).

Cha của Trương Phúc Phan là Trương Phúc Cương, người có nhiều công lao trong các trận chiến ở Quảng Bình. Ông là bề tôi thân cận của chúa Nguyễn Phúc Thái (Trần), được chúa đặc biệt tin dùng. Năm 1689, Trương Phúc Cương được phong giữ chức Trấn thủ Cựu dinh.

Bác ruột của Trương Phúc Phan là Trương Phúc Hùng “kiên dũng, thường đi trước hãm trận, đi đến đâu giặc dạt đến đó”. Ông từng được phong làm Trấn thủ dinh Bồ Chính, dinh Quảng Bình, Đốc chiến Quân cơ.

Cũng như Nguyễn Hữu Cảnh, khi lớn lên Trương Phúc Phan được nuôi dưỡng trong dòng dõi võ tướng, lừng lẫy chiến công trên đất Quảng Bình trong những năm tháng chiến tranh Trịnh - Nguyễn ở thế kỉ XVII.

Khi thay Nguyễn Hữu Cảnh Trấn thủ dinh Trấn Biên và huyện Phước Long ở phía Đông sông Sài Gòn là quản lý một vùng rộng lớn bao gồm Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Bà Rịa - Vũng Tàu ngày nay. Dinh Trấn Biên là địa bàn cửa ngõ mở lối cho đoàn quân Nam tiến dọc theo dải ven biển nhanh chóng làm chủ toàn bộ đất Hà Tiên để tiến sâu vào trung tâm đồng bằng sông Cửu Long, đồng thời vươn ra chiếm lĩnh các đảo, quần đảo phía Nam biển Đông và vịnh Thái Lan.

Làm Trấn thủ dinh Trấn Biên, Trương Phúc Phan tiếp tục sự nghiệp của Nguyễn Hữu Cảnh chiêu tập dân vào Nam khai hoang mở đất, tổ chức các đơn vị hành chính, xây dựng bộ máy, xác lập chủ quyền lãnh thổ vùng đất Nam Bộ.

Đồng thời với việc xác lập chủ quyền, ngay từ những ngày đầu lập đất, chính quyền của chúa Nguyễn ở Trấn Biên đã tiến hành cuộc đấu tranh bảo vệ sự toàn vẹn của chủ quyền lãnh thổ mà tiêu biểu là chiến công đánh đuổi quân Anh ra khỏi đảo Côn Lôn (Côn Đảo) trong những năm đầu thế kỉ XVIII.

Tháng 8 năm 1702, Công ty Đông Ấn (East India Company) của Anh do Nhật ban Tô Thích Già Thi (Allen Catchpole) chỉ huy 8 chiến thuyền với hơn 200 lính ngang nhiên đổ quân lên Côn Lôn xây pháo đài, dựng cột cờ chủ trương chiếm đảo lâu dài. Trước âm mưu của thực dân Anh, Trương Phúc Phan đã nhanh chóng giành lại Côn Lôn, giữ vững chủ quyền biển đảo ở vùng đất phía Nam.

Không chỉ có vậy, khi nghiên cứu lịch sử vùng đất Nam Bộ ta còn bắt gặp nhiều dòng họ khác có gốc tích từ Quảng Bình đã có công trấn giữ và khai phá vùng đất Nam Bộ phì nhiêu. Một trong những dòng họ đó phải kể đến dòng họ của *Nguyễn Cửu Kiều*, sách “Đại Nam nhất thống chí” viết: “Nguyễn Cửu Kiều: Tiên tổ người Thanh Hóa sau nhập tịch huyện Phong Lộc (Quảng Ninh ngày nay). Cửu Kiều từ Đông Đô vào Nam, được trao chức đội trưởng quản lãnh thuyền Mã Ky, lấy công chúa, thăng Chương cơ ra trấn thủ Quảng Bình”¹¹.

Định cư ở vùng đất Phong Lộc, dòng họ Nguyễn Cửu đã có những đóng góp quan trọng trong các cuộc chiến bảo vệ vùng đất Quảng Bình của các chúa Nguyễn. Sách “Đại Nam nhất thống chí” ghi lại sự kiện: “gặp lúc phản tướng là Nguyễn Khắc

¹¹ Quốc sử quán triều Nguyễn, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2006, Tập 2, tr.80.

Loạt quấy rối ở châu Nam Bộ Chính, Phần (Trương Phúc Phần) cùng Nguyễn Cửu Kiều đánh đuổi chiếm lấy hết đất Bắc Bộ Chính vừa lúc quân Trịnh xâm lấn”¹². Trong cuộc tiến công ra Nghệ An năm Ất Mùi (1655) dưới sự chỉ huy của Nguyễn Hữu Dật, Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Cửu Kiều là Phó tướng thủy sư cùng với Tham tướng Nguyễn Cửu Tráng đem quân đánh vào cửa Đan Nhai (cửa sông Lam) phá được thủy quân của quân Trịnh nhưng Nguyễn Cửu Kiều bị thương rồi chết¹³. Sau khi mất, Nguyễn Cửu Kiều được tặng hàm Đô đốc, tước Nghĩa Quận công.

Cũng như dòng họ Nguyễn Hữu và Trương Phúc, con cháu dòng họ Nguyễn Cửu cùng với việc tham gia các cuộc chiến chống quân Trịnh phía Bắc, nhiều người đã theo các đội quân của chúa Nguyễn tiến vào trấn giữ vùng đất phương Nam. Trong số con cháu của Nguyễn Cửu Kiều có Nguyễn Cửu Vân, Nguyễn Cửu Triêm, Nguyễn Cửu Đàm đã có công lớn, góp phần viết nên trang sử hào hùng của vùng đất Nam Bộ.

Sau khi Nguyễn Hữu Cảnh lập dinh Trấn Biên và dinh Phiên Trấn, vùng đất mới khai phá ở phía Nam luôn đứng trước nguy cơ đe dọa xâm lấn của triều đình phong kiến phía Tây. Nguyễn Cửu Vân con của Nguyễn Cửu Kiều từng giữ chức Phó tướng dinh Trấn Biên. Năm 1705, vua Chân Lạp là Nặc Yêm bị Nặc Ông Thâm cấu kết với quân Tiêm La (Thái Lan) làm phản phải chạy sang cầu cứu chúa Nguyễn ở dinh Phiên Trấn. Chúa Nguyễn Phúc Chu sai quan Cai cơ là Nguyễn Cửu Vân sang đánh Nặc Ông Thâm, phá quân Tiêm La, giúp Nặc Yêm trở lại ngôi báu, đồng thời bảo vệ vùng đất biên cương phía Nam của chúa Nguyễn còn trong trứng nước.

Để bảo vệ vùng đất biên cương vùng đất Mỹ Tho, Nguyễn Cửu Vân cho đắp một chiến lũy dài từ quán Thị Cai đến Bến Tranh (chợ Lương Phú). Bên ngoài lũy, ông còn cho đào một con hào sâu rộng nối liền Rạch Gù (Tân An) và rạch Mỹ Tho chảy ra sông Tiền. Sau này, năm 1819, người ta đào sâu thêm thành một con kênh lớn gọi là kênh Bảo Định (nay gọi là sông Bảo Định), đó là con kênh đào đầu tiên ở Nam Bộ có ý nghĩa rất quan trọng trong việc khai phá vùng đất trù phú. Với việc đắp lũy, đào kênh, Nguyễn Cửu Vân đã có công lớn trong việc trấn giữ và khai phá vùng đất biên ải Nam Bộ như Quốc sử sách triều Nguyễn viết: “Về việc mở mang bờ cõi Nam, công (Nguyễn Cửu) Vân rất nhiều, ông tuyên thị đức ý triều đình, người Chân Lạp mến phục”. Tên Nguyễn Cửu Vân hiện nay được đặt cho một con đường ở quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Trong lịch sử, người ta còn nhắc đến những người con của Nguyễn Cửu Vân, đặc biệt là Nguyễn Cửu Triêm (còn gọi là Chiêm) và Nguyễn Cửu Đàm đã có công lớn trong việc bảo vệ và khai phá vùng đất Nam Bộ.

Năm Tân Hợi (1731), quân Chân Lạp lại kéo sang gây hấn cướp phá Gia Định, Thống suất Trương Phước Vĩnh lại sai Nguyễn Cửu Triêm đem quân cứu ứng vùng Bến Lức đánh bại quân giặc buộc chúng phải rút về nước. Sau chiến thắng chúa

¹² “Đại Nam nhất thống chí”, Sđd, tr.81.

¹³ Xem Phan Khoang, “Việt sử xứ Đàng Trong”, Nxb Văn học, Tp. Hồ Chí Minh, 2000, tr.264.

Nguyễn đặt châu Định Viễn lập dinh Long Hồ. Nguyễn Cửu Triêm cùng với các binh sĩ đã có công trấn giữ và khai phá vùng đất Vĩnh Long và Trà Vinh ngày nay.

Nguyễn Cửu Đàm là con thứ năm của Nguyễn Cửu Vân, thời chúa Nguyễn Phúc Thuần. Ông là võ tướng hàm Hữu quân Phó tiết chế, tước Đàm Ứng hầu đã có công lớn bảo vệ vùng biên cương phía Tây Nam vùng sông Tiền, sông Hậu trước âm mưu xâm lược của quân Tiêm La. Sau cuộc tiến binh thắng lợi, Nguyễn Cửu Đàm cho quân rút về Gia Định giúp chúa Nguyễn củng cố các thành lũy, đặt các quan Cai cơ, Ký lục trong coi việc trấn giữ.

Nguyễn Cửu Đàm vừa là một vị tướng tài vừa là một nhà quy hoạch lớn, được lịch sử ghi nhận với việc xây dựng lũy Tân Hoa (còn gọi là lũy Bán Bích) và cho khơi dòng nối hai đầu rạch Bến Nghé và rạch Thị Nghè xuống đến Cầu Bông tạo một vòng cung ba mặt sông, một mặt thành cùng với những đồn bố phòng ở những nơi hiểm yếu bao quanh làm cho Sài Gòn trở thành một pháo đài bất khả xâm phạm trước các cuộc tiến công của ngoại xâm¹⁴. Cùng với việc đắp lũy Tân Hoa, Nguyễn Cửu Đàm còn cho đào kênh Ruột Ngựa (Mã Trường Giang) giúp cho thuyền bè qua lại giữa lòng Sài Gòn với các tỉnh miền Tây thêm dễ dàng, thuận lợi. Về kênh Ruột Ngựa, sách “Gia Định thành thông chí” của Trịnh Hoài Đức viết: “*Nguyên xưa từ Rạch Cát ra phía Bắc đến Lò Gốm thì có một đường nước đọng móng trâu, ghe thuyền đi lại không được... Nguyễn Cửu Đàm có đào con kênh thẳng như ruột ngựa nên mới đặt tên ấy*”. Những công trình của Nguyễn Cửu Đàm đã đặt nền móng cho việc xây dựng một thành phố Sài Gòn hiện đại sau này.

Sau khi Nguyễn Cửu Đàm mất, triều Nguyễn cho thờ ở miếu Trung tiết công thần. Ngày nay tên ông được đặt tên cho một con đường tại quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

Bên cạnh sự nghiệp của cha con Nguyễn Cửu Vân, Nguyễn Cửu Triêm, Nguyễn Cửu Đàm, dòng họ Nguyễn Cửu còn có những người đi vào sử sách của vùng đất phương Nam như Nguyễn Cửu Phú, Nguyễn Cửu Khôi. Sách “Đại Nam nhất thống chí” còn nhắc đến Nguyễn Cửu Dật¹⁵ là “chất Nghĩa Quận công Cửu Kiêu có tài tướng sủng” giúp chúa Nguyễn Phúc Thuần được thăng Tả quân Đại Đô đốc khi chết được truy phong Thăng Hoa Quận công thờ ở Thái Miếu. Hậu duệ của dòng họ Nguyễn Cửu ở Nam Bộ sử sách còn nhắc đến Nguyễn Cửu Trường sinh năm 1807 tại huyện Lê Thủy đậu Giải nguyên khoa Mậu Tý (1838) và đậu Hoàng giáp nên gọi là Song Nguyên được bổ làm Tuần vũ Biên Hòa...

Lịch sử công cuộc mở cõi về phương Nam, mở mang vùng đất Nam Bộ ghi dấu đậm nét công lao trấn giữ, khai canh lập ấp của nhiều dòng họ có nguồn gốc từ Quảng Bình. Đi tìm dấu tích của người xưa chúng ta càng thêm tự hào về vùng đất Quảng

¹⁴ Xem “*Việt sử xứ Đàng Trong*”, tr.348.

¹⁵ Về Nguyễn Cửu Dật, sách “*Đại Nam nhất thống chí*” đã ghi rõ là chất của Nguyễn Cửu Kiêu, nhưng trong “*Việt sử xứ Đàng Trong*” của Phan Khoang, trang 325 viết: “Nguyễn Cửu Vân (con Nguyễn Cửu Dật)” dẫn đến sự hiểu lầm ở một số tài liệu như trong Tập san Quảng Bình quê tôi. Theo thân thế và sự nghiệp của hai ông mà sử sách đã ghi thì Nguyễn Cửu Vân là cha của Nguyễn Cửu Dật. Vậy theo sách của Phan Khoang nên hiểu đúng là Nguyễn Cửu Vân (con là Nguyễn Cửu Dật). PVD.

Bình đã có những đóng góp to lớn cho sự nghiệp mở mang bờ cõi để có non sông một dải thống nhất, giàu đẹp như ngày nay.